TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2018/DS-ST
Ngày: 26-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Chiến.

Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Thúy L, sinh năm 1951.

Cư trú tại: Khóm 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị Thúy L: Ông Trương L, sinh năm 1981 (có mặt).

Cư trú tại: Số 45, đường L, khóm 1, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/5/2018).

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị T, sinh năm:1964 (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau**.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lại Thành L, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 11/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cùng trình bày:

Ngày 20/9/2017 (nhằm ngày 01/8/2017 âm lịch) bà L cho bà T vay 20.000.000 đồng (mỗi tháng đóng lãi góp vốn cho bà L là 3.000.000 đồng), nhưng bà T cũng không thực hiện đóng 3.000.000 đồng/tháng cho đến nay. Sau đó bà có khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, theo bản án số 17/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển buộc ông L, bà Tphải trả tiền gốc của 03 tháng đến hạn là 5.000.000 đồng, còn đối với số tiền gốc 15.000.000 đến nay đã quá hạn nhưng bà T vẫn chưa thanh toán. Nay căn cứ vào Điều 357, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 yêu cầu bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L các khoản như sau:

1. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi của 09 tháng là: 09 tháng x 20%/năm x 20.000.000 đồng.

2. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 4) tính từ ngày 21/01/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 264 ngày x 10%/năm = 144.657 đồng.

3. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 5) tính từ ngày 21/02/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 233 ngày x 10%/năm = 127.671 đồng.

4. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 6) tính từ ngày 21/3/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 205 ngày x 10%/năm = 112.328 đồng.

5. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 7) tính từ ngày 21/4/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 174 ngày x 10%/năm = 95.342 đồng.

6. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 8) tính từ ngày 21/5/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 144 ngày x 10%/năm = 78.904 đồng.

7. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 9) tính từ ngày 21/6/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 113 ngày x 10%/năm = 61.917 đồng.

8. Bà T và ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng

thứ 10) tính từ ngày 21/7/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 83 ngày x 10%/năm = 45.479 đồng.

9. Bà T và ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 11) tính từ ngày 21/8/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 52 ngày x 10%/năm = 28.493 đồng.

10. Bà Tvà ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền lãi chậm trả 10%/năm của số tiền 2.000.000 đồng (bao gồm lãi suất và gốc phải trả của tháng thứ 12) tính từ ngày 21/9/2018 đến hết ngày 11/10/2018 tạm tính là 2.000.000 đồng x 21 ngày x 10%/năm = 11.506 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/10/2018 bà Lyêu cầu bà T, ông L thanh toán là 18.706.297 đồng.

Theo tờ tường trình đề ngày 09/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị T trình bày: Ngày 01/8/2017 âm lịch bà có vay của bà Trương Thị Thúy L số tiền gốc là 20.000.000 đồng, bà đã trả được 5.000.000 đồng còn nợ lại 15.000.000 đồng. Nay bà đồng ý thanh toán cho bà L 15.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất Nhà nước quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lại Thành L trình bày: Việc vay tiền và hợp đồng chơi hụi giữa bà L với bà T thì ông không rõ, sau khi bà T bể hụi và bà L kiện bà Tthì bà L thừa nhận bà T có vay tiền thì ông mới biết, thực tế ông không biết gì về số tiền trên.

Tại phiên tòa: Ông Trương L yêu cầu bà T và ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn từ ngày 21/01/2018 đến ngày 26/11/2018 với lãi trong hạn là 20%/năm, lãi quá hạn là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Thúy L khởi kiện bà Bùi Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Bùi Thị T cư trú tại Khóm 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Bà Bùi Thị T, ông Lại Thành L có đơn đề nghị vắng mặt nên khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[2] Về nội dung: Vào ngày ngày 20/9/2017 nhằm ngày 01/8/2017 âm lịch bà Tcó vay của bà Trương Thị Thúy L 20.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, thời

gian thanh toán thỏa thuận là 12 tháng. Theo bản án số: 17/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bà Tđồng ý thanh toán cho bà L03 tháng tính đến ngày 20/12/2017 với số tiền 5.986.302 đồng (bao gồm tiền lãi trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng) nên bà Lvà bà T thống nhất số nợ gốc bà Tcòn nợ bà L số tiền 15.000.000 là phù hợp. Đến nay khoản nợ của bà T đã quá hạn nên bà L yêu cầu bà T thanh toán tiền gốc và tiền lãi trong hạn và quá hạn từ ngày 21/01/2018 đến ngày 26/11/2018 với lãi trong hạn là 20%/năm, lãi quá hạn là 10%/năm là phù hợp nên được chấp nhận cụ thể như sau: Tiền lãi trong hạn và quá hạn của số tiền gốc 15.000.000 đồng tính từ 21/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2018 là 10 tháng 05 ngày là: 15.000.000 đồng x 2.5%/tháng x 10 tháng 05 ngày = 3.812.500 đồng. Do ông Lại Thành L và bà Bùi Thị T là vợ chồng và các khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù ông L cho rằng không biết việc vay tiền giữa bà Tvà bà Lvới nhau nhưng ông không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đây là nợ riêng của bà T nên cần buộc ông L và bà T cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị Thúy L, buộc bà Bùi Thị T và ông Lại Thành L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Thúy L tổng số tiền 18.812.500 đồng.

[3] Kể từ khi bà Trương Thị Thúy L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Bùi Thị T và ông Lại Thành L chậm trả khoản tiền trên cho bà Trương Thị Thúy L thì bà T, ông L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Bùi Thị T và ông Lại Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.812.500 x 5% = 941.000 đồng (tính tròn số). Bà Trương Thị Thúy L trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án, án phí nên không đặt ra xem xét.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Bùi Thị T, ông Lại Thành L.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thúy L. Buộc bà Bùi Thị T và ông Lại Thành L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Thúy L số tiền 18.812.500 đồng (Mười tám triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi bà Trương Thị Thúy L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Bùi Thị T và ông Lại Thành L chậm trả khoản tiền trên cho bà Trương Thị Thúy L thì bà T, ông L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Bùi Thị T và ông Lại Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 941.000 đồng (tính tròn số).

- Bà Trương Thị Thúy L trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án, án phí nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương